TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22/9/2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Sáu
2. Bà Trương Thị hồng Phượng

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Dương Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 35/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 về ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị B, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp E, xã G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin vắng mặt ngày 12/7/2021).

- Bị đơn: Anh C, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp H, xã I, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2021, biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2021 nguyên đơn, chị B trình bày: Chị và anh C xây dựng hôn nhân năm 2011, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện A, tỉnh Bạc Liêu ngày 31/7/2012. Quá trình chung sống, vợ chồng có một con chung tên D, sinh ngày 02/9/2012, sống chung với anh C tại ấp H, xã I, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Tài sản chung, nợ chung không có.

Nguyên nhân ly hôn là do vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, anh C không chăm lo cho gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân khoảng tháng 6 năm 2019 đến nay. Trong thời gian mâu thuẫn và sống ly thân, vợ chồng không có cách nào để hàn gắn tình cảm.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh C, con theo ai thì người đó nuôi, nếu theo chị thì chị đồng ý nuôi và không yêu cầu anh C cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu đã nhiều lần trực tiếp đến nhà anh C để tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu để làm việc, tham gia phiên họp và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh C không đến Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu theo giấy mời nên không ghi nhận được ý kiến của anh C đối với yêu cầu khởi kiện của chị B.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh C. Xử cho chị B được ly hôn với anh C. Con chung giao cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, tài sản chung, nợ chung không có. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình chị B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị B yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn với anh C, hiện nay anh C đang cư trú tại ấp H, xã I, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị B có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hai lần nhưng đều vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Chị B và anh C xây dựng hôn nhân năm 2011, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện A, tỉnh Bạc Liêu ngày 31/7/2012 nên hôn nhân giữa chị B và anh C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng trong thời gian chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị B và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B và anh C.

[3.2] Về con chung: Chị B và anh C chung sống có một con chung tên D, sinh ngày 02/9/2012 hiện nay đang sống chung với anh C và ông bà nội tại ấp H, xã I, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án đã ghi nhận ý kiến của cháu D và tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 14/3/2021, cháu D có nguyện vọng được sống chung với cha là anh C khi chị B và anh C ly hôn. Mặc khác, chị B cũng đồng ý theo nguyện vọng của cháu Dương nếu cháu có nguyện vọng sống chung với ai thì người đó nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao cháu D, sinh ngày 02/9/2012 cho anh C tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hiện nay cháu D, sinh ngày 02/9/2012 đang sống chung với anh C nên tiếp tục giao cháu D, sinh ngày 02/9/2012 cho anh C trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh C không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Chị B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị B xác định vợ chồng chung sống không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, chị B phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh C. Xử cho chị B được ly hôn với anh C**.**

2. Về con chung: Giao cháu D, sinh ngày 02/9/2012 cho anh C tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cháu D đang sống chung với anh C nên anh C được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D.

Anh C không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở**.**

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Về án phí Hôn nhân và Gia đình: Chị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008556 ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nên được chuyển thu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bạc Liêu;;
- VKSND huyện A;
- CC THADS huyện A
- UBND xã I, huyện A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA